

KẾ HOẠCH
Về việc Cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo
cấp địa phương của tỉnh An Giang năm 2024

Ngày 12/3/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của 63 tỉnh thành. Bảng xếp hạng được công bố thể hiện hiện trạng mô hình phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của 63 tỉnh, thành phố trong năm 2023. Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) là công cụ để mỗi địa phương soi chiếu được chi tiết góc độ ở khía cạnh đầu ra, đầu vào, xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu, yếu tố tiềm năng và điều kiện cần thiết để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Dữ liệu phục vụ xây dựng bộ chỉ số PII 2023 được lấy từ hai nguồn chính. Nguồn thứ nhất từ số liệu thống kê, quản lý nhà nước được công bố chính thức từ các Bộ, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức ở trung ương (có 39/52 chỉ số) và nguồn thứ hai do các địa phương thu thập và cung cấp - kèm theo các tài liệu minh chứng (có 13/52 chỉ số). Theo kết quả công bố của Bộ Khoa học và Công nghệ, năm 2022 tỉnh An Giang có dân số là 1.905.520 người; GRDP 2022 là 102.457 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người năm 2022 là 3.650.000 VNĐ/tháng; điểm số đầu vào 27,67; điểm số đầu ra 34,13; điểm số PII 2023 là 30,90; xếp hạng PII 2023 là 49/63 tỉnh/thành phố và xếp thứ 11/13 tỉnh/thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Nhằm thực hiện có hiệu quả việc thu thập và cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương theo quy định tại điểm c và đ, mục 6, phụ lục II của Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch cải thiện và nâng cao Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh An Giang năm 2024 như sau:

I. MỤC TIÊU

Cải thiện Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo của tỉnh một cách bền vững; tạo sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về ý nghĩa và tầm quan trọng của chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh trong việc cải thiện kết quả chỉ số đổi mới sáng tạo của tỉnh, góp phần tạo môi trường kinh doanh thực sự thông thoáng, minh bạch, năng động và thuận lợi nhằm thu hút đầu tư,

phát triển doanh nghiệp, đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm, sự vào cuộc mạnh mẽ, tích cực, chủ động, đồng bộ của cả hệ thống chính trị, từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và toàn thể cán bộ, công chức, viên chức về cải thiện và nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo năm 2024 và những năm tiếp theo của tỉnh An Giang.

Phân đầu thuộc nhóm 25 tỉnh đứng đầu trong cả nước và trong top 05 tỉnh đứng đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đạt chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024.

II. YÊU CẦU

Triển khai một cách đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm đề ra các giải pháp sử dụng bộ chỉ số để xây dựng các chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Có sự kết hợp nhịp nhàng, đồng bộ, hiệu quả giữa các ngành, đơn vị trong việc thu thập, cung cấp dữ liệu và hồ sơ minh chứng phục vụ tính toán bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương đúng yêu cầu và thời gian quy định.

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tập trung bám sát và thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Trên cơ sở đó, kịp thời đề ra các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể nhằm tiếp tục cải thiện và nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo năm 2024 và những năm tiếp theo của tỉnh An Giang.

Trong tổ chức thực hiện phải chỉ đạo kiên quyết, sát sao, xác định đầu mối chủ trì thực hiện nâng cao chỉ số trong từng cơ quan, đơn vị; đặt ra yêu cầu có sự chuyển biến trong từng khâu, bộ phận; đối với những công việc có liên quan; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của tỉnh An Giang theo Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nghiên cứu tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh các chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao nhóm chỉ số môi trường chính sách và môi trường kinh doanh.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 699/KH-UBND ngày 15/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) và đẩy mạnh thu hút đầu tư năm 2023 và các năm tiếp theo nhằm tiếp tục nâng cao năng lực cạnh

tranh cấp tỉnh trên cơ sở cải thiện các chỉ số PCI, PAPI, PAR Index, SIPAS, DDCI.

Tiếp tục nghiên cứu đề xuất giải pháp để phát huy những điểm mạnh¹ và khắc phục những điểm yếu² đã được Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá dựa trên kết quả phân tích chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2023 của tỉnh An Giang.

Đẩy mạnh tuyên truyền quan điểm, chủ trương, chính sách, các văn bản có liên quan đến chỉ số đổi mới sáng tạo như: Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024; Báo cáo kết quả đánh giá chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương,...

Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng: Tham dự Hội thảo trực tuyến về thu thập Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024 do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức; Tổ chức Tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ thu thập thông tin chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024 cho cán bộ, công chức, viên chức các sở ban ngành.

Tổ chức thu thập, tổng hợp cung cấp dữ liệu và hồ sơ minh chứng phục vụ tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương đối với các chỉ số do địa phương phụ trách. Triển khai nhập liệu dữ liệu và hồ sơ minh chứng phục vụ tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo vào phần mềm trực tuyến của Bộ Khoa học và Công nghệ. Báo cáo Kết quả đánh giá chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024 đúng thời gian quy định. Thời gian thực hiện thu thập số liệu phục vụ chỉ số đổi mới sáng tạo theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ (dự kiến vào tháng 7 và tháng 8 hàng năm).

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ được cấp năm 2024.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nội dung Kế hoạch này xây dựng, ban hành kế hoạch riêng hoặc lồng ghép trong chương trình công tác hằng năm để đưa ra các giải pháp, cụ thể hóa các

¹ (1) Tiêu chí 2.1.1. Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT (5 môn): đạt 73,95 điểm; (2) Tiêu chí 3.2.3. Quản trị Môi trường: đạt 70,93 điểm; (3) Tiêu chí 5.2.1. Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và DN (%): đạt 78,75; (4) Tiêu chí 6.1.2 Đơn đăng kí giống cây trồng/10,000 dân: đạt 62,11 điểm; (5) Tiêu chí 6.2.1. Đơn đăng ký nhãn hiệu/1,000 DN: đạt 67,95 điểm.

² (1) Tiêu chí 1.1.2. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự: đạt 16,85 điểm; (2) Tiêu chí 1.2.4. Cạnh tranh bình đẳng: đạt 20,39 điểm; (3) Tiêu chí 3.2.2. Tỷ lệ đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng (%): đạt 0,54 điểm; (4) Tiêu chí 4.1.4. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của DN (tỷ đồng): đạt 5,13 điểm; (5) Tiêu chí 7.2.1. Tốc độ giảm nghèo: đạt 42,21 điểm.

chỉ số, chỉ số thành phần nhằm chủ động thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình; chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

- Tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh các chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (Nâng cao nhóm chỉ số môi trường chính sách và môi trường kinh doanh).

- Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI của tỉnh ban hành Kế hoạch hằng năm.

- Tham mưu công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham gia trực tiếp vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển trong cơ quan, tổ chức.

- Cung cấp thông tin, số liệu và tài liệu minh chứng về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp phục vụ tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024 đúng nội dung và thời gian quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì theo dõi các chỉ số thành phần của Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương tiếp tục nâng cao công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai có chất lượng, đúng tiến độ các chỉ số và chỉ số thành phần theo lĩnh vực của đơn vị được phân công. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được giao phụ trách. Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ trì trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

(Nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm).

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan báo cáo và tổng hợp tài liệu kiểm chứng chỉ số PII năm 2024.

- Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường công nghệ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, phát triển công nghệ cao.

- Tham mưu phát triển các tổ chức Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường Khoa học và Công nghệ; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ.

- Triển khai hướng dẫn các đơn vị hoạt động khởi nghiệp sáng tạo nhằm nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương.

- Tổng hợp, theo dõi tình hình thực hiện Kế hoạch nâng cao Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh An Giang năm 2024; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét những đơn vị, địa phương không thực hiện hoặc chậm thực hiện những nhiệm vụ đã nêu tại Kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tiếp tục tham mưu thực hiện Kế hoạch số 699/KH-UBND ngày 15/8/2023 của Ủy ban nhân dân về thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) và đẩy mạnh thu hút đầu tư năm 2023 và các năm tiếp theo.

- Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao chỉ số thành phần: Chi phí gia nhập thị trường: (Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (PCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xây dựng và công bố hàng năm).

- Hướng dẫn hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo nhằm nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu tổ chức đa dạng các cuộc thi lĩnh vực khoa học và công nghệ cho học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông trong tỉnh, tuyên truyền, khuyến khích nhằm nâng cao tỉ lệ học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

5. Sở Công Thương

Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh trong các cụm công nghiệp, triển khai hiệu quả chính sách phát triển dịch vụ logistics của Trung ương trên địa bàn tỉnh An Giang.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tham mưu các chính sách thúc đẩy, hỗ trợ kinh tế khu vực nông thôn thông qua các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, phát triển chất lượng các sản phẩm OCOP 4 sao trở lên.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Tham mưu triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án chuyển đổi số của tỉnh và các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần hạ tầng số và quản trị điện tử thuộc bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương.

8. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các chỉ số thành phần liên quan tham mưu nguồn kinh phí chi cho giáo dục và kinh phí chi cho khoa học và công nghệ từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ của ngân sách địa phương.

9. Sở Nội vụ

Tham mưu triển khai các giải pháp nâng chỉ số cải cách hành chính của tỉnh. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 21/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch số 664/KH-UBND ngày 18/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2025.

Tham mưu, đôn đốc triển khai thực hiện, tổng hợp tình hình thực hiện các nội dung nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh An Giang (chỉ số PAPI). Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức trách nhiệm, kiến thức về kỹ năng hành chính, kỹ năng nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính

Phối hợp với các Sở, ban, ngành tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tham mưu ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, thu hút chuyên gia, người có tài năng đặc biệt, nhà khoa học, nhân sĩ, trí thức có phẩm chất đạo đức và năng lực xuất sắc để tham mưu UBND tỉnh hoàn thành tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chỉ số quản trị môi trường tại địa phương. Nhanh chóng đưa ra các giải pháp phòng ngừa, ứng phó phù hợp và kịp thời đối với các vấn đề môi trường gây bức xúc, nhạy cảm và cấp bách. Thực hiện tốt công tác dự báo cảnh báo về nguy cơ ô nhiễm môi trường đến địa phương và người dân. Chủ trì triển khai các giải pháp đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực thành thị và nông thôn.

11. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần về lĩnh vực lao động thuộc chỉ số PCI của tỉnh.

Thực hiện tốt các chính sách về giải quyết việc làm, hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động.

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

Xây dựng triển khai nhân rộng các mô hình giảm nghèo. Đảm bảo trợ cấp kịp thời và thực hiện đầy đủ chính sách cho các đối tượng trợ giúp xã hội, tạo cơ hội tốt cho người nghèo, đối tượng xã hội tự vươn lên thông qua các chính sách trợ giúp, hỗ trợ về giáo dục, dạy nghề, tín dụng, tạo việc làm, tăng thu nhập. Thực hiện tốt các chính sách về giải quyết việc làm, hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động.

12. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong các khu công nghiệp.

Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao: (1) Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp; (2) Tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động trong các khu công nghiệp trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

13. Cục Thống kê tỉnh

Rà soát và cung cấp các số liệu về kinh tế - xã hội khác có liên quan như: GRDP của địa phương, dân số trung bình, số lượng đơn vị hành chính cấp xã,..

14. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh An Giang và Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh An Giang

Tham mưu các chính sách tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh nhằm nâng cao chỉ số thành phần về tín dụng cho khu vực tư nhân, vay tài chính vi mô, giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch Cải thiện và nâng cao Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh An Giang năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ nội dung Kế hoạch nghiêm túc triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh: CT và các PCT (b/c);
- Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh An Giang;
- Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh An Giang;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P. KTN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh Thúy

PHỤ LỤC
TRÁCH NHIỆM CÁC SỞ, NGÀNH, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN
NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PII

(Kèm theo Kế hoạch số 1079/KH-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh)

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
1.	1. Thể chế	63/63	07 chỉ số		27.85	64.01				
1.1.	1.1. Môi trường chính sách				20.69	54.55				
			1.1.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng KH, CN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của địa phương ⁴	Địa phương	18.90	57.15	- Sở KH&CN, - Sở KH&ĐT, - Sở NN&PTNT, - Sở TT&TT, - Sở Công Thương, - Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, Các Sở, Ban ngành tỉnh	Rà soát các chính sách hiện hành do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có liên quan đến lĩnh vực phụ trách để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp hoặc ban hành mới theo quy định.	
			1.1.2. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	PCI-VCCI	16.85	69.57	Tòa án nhân dân tỉnh	Sở KH&ĐT, Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc chỉ số PCI của tỉnh.	Điểm yếu năm

³ Địa phương có tổng điểm xếp thứ hạng 25/63 tỉnh, thành phố. Tham khảo để phân đầu cho năm 2024 và những năm tiếp theo.

⁴ (1) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; (2) chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; (3) Chính sách hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; (4) Chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; (5) Chính sách hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ; (6) Chính sách chuyển đổi số; (7) Chính sách phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; (8) Chính sách phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề; (9) Chính sách phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn (Chương trình OCOP, tham gia sàn thương mại điện tử, phát triển kinh tế số); (10) chính sách phát triển dịch vụ logistics; (11) Chính sách phát triển và thu hút nhân lực; (12) Chính sách nhằm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; (13) Các văn bản chính sách khác có liên quan đến KHCN&ĐMST chưa được liệt kê theo các lĩnh vực ở trên

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
									Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 699/KH-UBND ngày 15/8/2023 về thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) và đẩy mạnh thu hút đầu tư năm 2023 và các năm tiếp theo nhằm tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trên cơ sở cải thiện các chỉ số PCI, PAPI, PAR Index, SIPAS, DDCI.	2023
			1.1.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp DNNVV	PCI-VCCI	26.32	36.93	Sở KH&ĐT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	
1.2	1.2. Môi trường kinh doanh				35.01	73.47				
			1.2.1. Chi phí gia nhập thị trường	PCI-VCCI	28.04	53.58	Sở KH&ĐT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc chỉ số PCI của tỉnh. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 699/KH-UBND ngày 15/8/2023 về thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) và đẩy mạnh thu hút đầu tư năm 2023 và các năm tiếp theo nhằm tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trên cơ sở cải	

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
									thiện các chỉ số PCI, PAPI, PAR Index, SIPAS, DDCI.	
			1.2.2. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	PCI-VCCI	33.30	99.21	Văn phòng UBND tỉnh	Sở KH&ĐT, Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc chỉ số PCI của tỉnh. Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh toàn diện trên các lĩnh vực; thực hiện các giải pháp cắt giảm và đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính; chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử tạo động lực nâng cao hiệu quả cải cách hành chính; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh gắn với nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh An Giang; tập trung thực hiện mọi giải pháp để cải thiện xếp hạng chỉ số môi trường cạnh tranh cấp tỉnh một cách thực chất, hiệu quả nhất. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp đến với tỉnh An Giang.	
			1.2.3. Cải cách hành chính	PAR Index-Bộ Nội vụ	58.33	73.64	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng chỉ số CCHC của tỉnh. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 21/2/2021 của Ủy ban nhân dân	

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
									tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch số 664/KH-UBND ngày 18/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2025.	
			1.2.4. Cạnh tranh bình đẳng	PCI-VCCI	20.39	67.44	Văn phòng UBND tỉnh	Sở KH&ĐT, Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc chỉ số PCI của tỉnh. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 699/KH-UBND ngày 15/8/2023 về thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) và đẩy mạnh thu hút đầu tư năm 2023 và các năm tiếp theo nhằm tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trên cơ sở cải thiện các chỉ số PCI, PAPI, PAR Index, SIPAS, DDCI.	Điểm yếu năm 2023
2	2. Vốn con người và nghiên cứu và phát triển	30/63	07 chỉ số		28.98	25.03				
2.1	2.1. Giáo dục				41.83	40.30				
			2.1.1. Điểm thi	Bộ	43.05	54.66	Sở GD&ĐT	Các Sở, Ban	Tham mưu giải pháp nâng cao	Điểm

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
			tốt nghiệp THPT trung bình 05 môn học	GD&ĐT				ngành tỉnh	tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT trong tỉnh	mạnh năm 2023
			2.1.2. Tỷ lệ HSPT tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật/tổng HSPT	Địa phương	9.29	42.29	Sở GD&ĐT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu tổ chức đa dạng các cuộc thi lĩnh vực KH&CN cho học sinh THCS, THPT trong tỉnh	
			2.1.3. Chi cho giáo dục/1 người đi học	Bộ Tài chính và TCTK	73.15	23.96	Sở Tài chính	Sở GD&ĐT	Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các chỉ số thành phần liên quan tham mưu nguồn kinh phí chi cho giáo dục và kinh phí chi cho khoa học và công nghệ từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ của ngân sách địa phương	
2.2	2.2. Nghiên cứu và phát triển				16.14	9.75				
			2.2.1. Nhân lực nghiên cứu và phát triển (toàn thời gian)/10,000 dân	Cục TTKH&CNQG	40.62	12.48	- Sở Nội vụ, - Sở KH&CN, - Sở GD&ĐT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tham mưu ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, thu hút chuyên gia, nhà khoa học.	
			2.2.2. Chi NSDP cho KH&CN/GRDP	Địa phương, Bộ Tài	11.24	9.07	Sở Tài chính	Sở KH&CN	Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các chỉ số thành phần liên quan tham	

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
				chính					mưu nguồn kinh phí chi cho giáo dục và kinh phí chi cho khoa học và công nghệ từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ của ngân sách địa phương	
			2.2.3. Chi R&D/GRDP	Cục TTKH&CNQG	2.74	6.70	Sở Tài chính,	Sở KH&CN	Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các chỉ số thành phần liên quan tham mưu nguồn kinh phí chi cho giáo dục và kinh phí chi cho khoa học và công nghệ từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ của ngân sách địa phương	
			2.2.4. Số tổ chức KH&CN	VP ĐK hoạt động KH&CN và Địa phương	9.95	10.75	Sở KH&CN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu phát triển các tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ	
3	3. Cơ sở hạ tầng	55/63	05 chỉ số		35.49	57.46				
3.1	3.1. Hạ tầng ICT				36.03	40.41				
			3.1.1. Hạ tầng số	DTI – Bộ TT&TT	44.48	42.29	Sở TT&TT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Triển khai Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 14/3/2024 của UBND tỉnh về nâng cao chỉ số chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2024.	
			3.1.2. Quản trị điện tử	PAPI	27.58	38.54	Sở TT&TT	Sở Nội vụ, Các Sở, Ban	Đẩy mạnh nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cải thiện chỉ số	

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
								ngành tỉnh	quản trị điện tử của tỉnh. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân: Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử, kênh tương tác trực tuyến.	
3.2	3.2. Hạ tầng chung và môi trường sinh thái				34.95	74.51				
			3.2.1. Hạ tầng chung	VCCI	33.37	55.50	Sở KH&ĐT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc chỉ số PCI của tỉnh	
			3.2.2. Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các KCN / tổng diện tích đất CN trong KCN theo quy hoạch	Địa phương	0.54	68.04	Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh	- Sở KH&ĐT, - Sở KH&CN, - Sở Công thương, - Sở Xây dựng - Các Sở, Ban ngành tỉnh	Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp.	Điểm yếu năm 2023
			3.2.3. Quản trị môi trường	PAPI	70.93	100.00	Sở TN&MT	Sở Nội vụ Các Sở, Ban ngành tỉnh	Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chỉ số quản trị môi trường tại địa phương. Nhanh chóng đưa ra các giải pháp phòng ngừa, ứng phó phù hợp và kịp thời đối với các vấn đề môi trường gây bức xúc, nhạy cảm và cấp bách. Thực hiện tốt công tác dự báo cảnh báo về nguy cơ ô nhiễm môi trường đến địa phương và người dân. Chủ trì	Điểm mạnh năm 2023

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
									triển khai các giải pháp đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực thành thị và nông thôn.	
4	4. Trình độ phát triển thị trường	45/63	07 chỉ số		26.57	24.72				
4.1	4.1. Tài chính và đầu tư				30.79	31.07				
			4.1.1. Tín dụng cho khu vực tư nhân/ 1,000 lao động	NHNNVN	22.30	19.46	- Ngân hàng NNVN nhánh tỉnh An Giang - Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh An Giang	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu các chính sách tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh.	
			4.1.2. Vay tài chính vi mô/GRDP	NHCSXH, Địa phương	88.95	83.40	- Ngân hàng NNVN nhánh tỉnh An Giang - Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh An Giang	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu các chính sách tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh.	
			4.1.3. Vốn SXKD bình quân hàng năm của các DN đang hoạt động có kết quả SXKD	TCTK	6.76	13.39	- Ngân hàng NNVN nhánh tỉnh An Giang - Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh An Giang	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu các chính sách tín dụng, hỗ trợ các doanh nghiệp ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh.	

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
			4.1.4. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các DN đang hoạt động có kết quả SXKD	TCTK	5.13	8.03	Sở Tài chính	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu các chính sách hỗ trợ đầu tư tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các DN đang hoạt động có kết quả SXKD, hỗ trợ các doanh nghiệp ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh	Điểm yếu năm 2023
4.2	4.2. Quy mô thị trường				22.36	18.37				
			4.2.1. Số DN ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN/ tổng DN	TCTK	37.06	27.30	- Sở KH&ĐT, - Sở KH&CN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong ngành dịch vụ, doanh nghiệp KH&CN, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.	
			4.2.2. Mật độ DN đang hoạt động bình quân trên 1,000 dân	TCTK	9.77	8.27	Sở KH&ĐT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.	
			4.2.3. Đóng góp vào GDP cả nước (%)	Địa phương	20.24	19.55	Sở KH&ĐT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tập trung các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.	
5	5. Trình độ phát triển của doanh nghiệp	50/63	09 chỉ số		14.32	14.25				
5.1	5.1. Lao động có kiến thức				27.72	19.99				
			5.1.1. Chi phí đào tạo LĐ/ tổng	PCI-VCCI	52.13	46.10	Sở LĐTB&XH	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành	

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
			chi của DN						phần về lĩnh vực lao động thuộc chỉ số PCI của tỉnh	
			5.1.2. Tỷ lệ LĐ từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua ĐT	TCTK	31.04	06.54	Sở LĐTB&XH	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần về lĩnh vực lao động thuộc chỉ số PCI của tỉnh	
			5.1.3. Tỷ lệ DN có hoạt động R&D	TCTK	0.00	07.32	Sở KH&CN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao hoạt động R&D tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tham mưu phát triển các tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ	
5.2	5.2. Liên kết sáng tạo				10.93	03.39				
			5.2.1. Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và DN	Địa phương	10.93	00.00	Sở KH&CN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao hoạt động Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và DN trên địa bàn tỉnh. Tham mưu phát triển các tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ	Điểm mạnh năm 2023
			5.2.2. Tỷ lệ các	Địa	21.87	10.16	Ban quản lý	-Sở KH&ĐT, -	- Tham mưu triển khai các giải	

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
			dự án đầu tư đang SXKD trong các KCN/tổng số DN đang hoạt động của ĐP	<i>phương</i>			Khu kinh tế	Sở KH&CN, - Sở Công thương, - Sở Xây dựng - Các Sở, Ban ngành tỉnh	pháp nâng cao tỉ lệ tỉ lệ doanh nghiệp đang hoạt động trong các khu công nghiệp trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. - Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.	
			5.2.3. Tỉ lệ các dự án đầu tư trong các cụm CN/tổng số DN đang hoạt động ở ĐP	<i>Địa phương</i>	0.00	00.00	Sở Công thương	- Sở KH&ĐT - Sở NN&PTNT; - UBND huyện, thị, thành phố - Các Sở, Ban ngành tỉnh	- Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao tỉ lệ các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh - Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp.	
5.3	5.3. Hấp thu tri thức				4.31	19.39				
			5.3.1. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP	TCTK	7.78	07.78	Sở KH&ĐT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư trực tiếp của nước ngoài trên địa bàn tỉnh.	
			5.3.2. Tỉ lệ DN	TCTK	0.00	17.14	Sở KH&CN	- Tỉnh đoàn	Tham mưu triển khai các giải	

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
			có hoạt động ĐMST/tổng doanh nghiệp					- Sở KH&ĐT, - Các Sở, Ban ngành tỉnh	pháp nâng tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST trên tổng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tham mưu triển khai hướng dẫn hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo	
			5.3.3. Tỉ lệ doanh nghiệp có ISO/tổng số doanh nghiệp	Tổng cục TĐC	5.16	33.25	Sở KH&CN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng tỉ lệ doanh nghiệp có ISO trên tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	
6	6. Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ	14/63	09 chỉ số		32.66	27.37				
6.1	6.1. Sáng tạo tri thức				43.24	03.82				
			6.1.1. Đơn đăng kí sáng chế, GPHI /10,000 dân	Cục SHTT	24.36	07.64	Sở KH&CN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký, công nhận sáng chế và giải pháp hữu ích	
			6.1.2. Đơn đăng kí giống cây trồng/10,000 dân	Cục Trồng trọt	62.11	00.00	Sở NN&PTNT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tăng cường đăng kí giống cây trồng tại địa phương. Tham mưu triển khai các giải pháp nâng tỉ lệ đăng kí giống cây trồng trên địa bàn tỉnh.	Điểm mạnh năm 2023
6.2	6.2. Tài sản vô hình				30.68	31.70				

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
			6.2.1. Đơn đăng kí nhãn hiệu/1,000 DN	Cục SHTT	67.95	72.76	Sở KH&CN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	Điểm mạnh năm 2023
			6.2.2. Đơn đăng kí nhãn hiệu tập thể/10,000 dân	Cục SHTT	26.26	21.25	Sở KH&CN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	
			6.2.3. Đơn đăng kí kiểu dáng công nghiệp/10,000 dân	Cục SHTT	16.51	19.67	Sở KH&CN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	
			6.2.4. Số lượng chỉ dẫn địa lý đã được cấp giấy chứng nhận bảo hộ	Cục SHTT	12.02	13.11	Sở KH&CN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	
6.3	6.3. Lan tỏa tri thức				24.05	46.60				
			6.3.1. Số DN mới thành lập/10,000 dân	TCTK	13.03	13.03	Sở KH&ĐT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, thành lập doanh nghiệp	
			6.3.2. Số DN KH&CN và tương đương/1,000 DN	<i>Địa phương</i>	13.42	44.29	Sở KH&CN	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường KH&CN; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp	

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
									KH&CN.	
			6.3.3. Tỷ lệ DN khởi nghiệp ĐMST/tổng số DN mới thành lập	Địa phương	45.70	82.47	Sở KH&ĐT, Sở KH&CN	- Tỉnh đoàn; - Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai hướng dẫn các doanh nghiệp các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo	
7	7. Tác động	58/63	08 chỉ số		35.61	51.72				
7.1	7.1. Tác động đến SX-KD				37.31	48.52				
			7.1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp	TCTK	61.75	66.14	Sở Công thương	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tham mưu triển khai đẩy mạnh sản xuất công nghiệp. Kịp thời hỗ trợ, hướng dẫn, nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh nhất là vướng mắc về thủ tục đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp. Rà soát, vận dụng linh hoạt các chính sách đã ban hành, các chủ trương đã chỉ đạo, đồng thời đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách mới nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp. Mời gọi đầu tư các cụm công nghiệp cho các sản phẩm từ nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ cho ngành nông nghiệp, như: Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm; công nghiệp cơ khí chế tạo và sửa chữa sản phẩm cơ khí; công	

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
									ngiệp dệt - giày - may; các ngành thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống, nghề thủ công,.	
			7.1.2. Số lượng sản phẩm OCOP/tổng số xã của địa phương [ĐP]	Địa phương	14.14	33.17	Sở NN&PTNT	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình Mỗi xã một sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng các sản phẩm, tăng số lượng sản phẩm OCOP của các địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang	
			7.1.3. Giá trị xuất khẩu/GRDP	TCTK	6.69	13.93	Sở Công thương	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Nâng cao hiệu quả và đổi mới phương thức xúc tiến thương mại, tăng cường các hoạt động xúc tiến xuất khẩu theo hướng chú trọng mở rộng thị trường ở các nước đang phát triển, các thị trường tiềm năng và thị trường mới nổi. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng sản phẩm xuất khẩu đạt thương hiệu quốc gia và xây dựng thương hiệu doanh nghiệp.	
			7.1.4. Tốc độ tăng năng suất lao động	TCTK	66.65	80.83	Sở LĐTB&XH	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Nghiên cứu tham mưu đề xuất các giải pháp cải thiện tốc độ tăng năng suất lao động. Tập trung đổi mới, nâng chất lượng giáo dục nghề nghiệp, gắn đào tạo nghề nghiệp với giải quyết việc làm cho người lao động. Triển khai thực hiện tốt và kịp	

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
									thời các chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp, hỗ trợ dạy nghề theo đơn đặt hàng của người sử dụng lao động, hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động.	
7.2	7.2. Tác động đến KT-XH				33.90	54.92				
			7.2.1. Tốc độ giảm nghèo	TCTK	42.21	73.87	Sở LĐT&XH	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Xây dựng triển khai nhân rộng các mô hình giảm nghèo. Đảm bảo trợ cấp kịp thời và thực hiện đầy đủ chính sách cho các đối tượng trợ giúp xã hội, tạo cơ hội tốt cho người nghèo, đối tượng xã hội tự vươn lên thông qua các chính sách trợ giúp, hỗ trợ về giáo dục, dạy nghề, tín dụng, tạo việc làm, tăng thu nhập	Điểm yếu năm 2023
			7.2.2. Số việc làm trong nền	TCTK	38.55	64.23	Sở LĐT&XH	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Thực hiện tốt các chính sách về giải quyết việc làm, hỗ trợ giải	

STT	Các Trụ cột	Thứ hạng từng trụ cột năm 2023 của An Giang (Tỉnh/TP)	Điểm của các chỉ số thành phần	Đơn vị cung cấp thông tin	Điểm số năm 2023		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần	Ghi chú
					An Giang (Hạng 49/63)	ĐP (có thứ Hạng 25/63 ³)				
			kinh tế so với tổng dân số						quyết việc làm cho người lao động.	
			7.2.3. Chi số thu nhập bình quân đầu người	TCTK	26.34	41.32	- Sở KH&ĐT, - Cục Thống kê	Các Sở, Ban ngành tỉnh	Tiếp tục tập trung các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội nhằm cải thiện chỉ số thu nhập bình quân đầu người của địa phương.	
			7.2.4. Chi số phát triển con người	TCTK	28.51	40.27	Các Sở, Ban ngành tỉnh	UBND huyện thị xã, thành phố	Tập trung thực hiện có hiệu quả chính sách phát triển văn hóa - xã hội như: Giáo dục và đào tạo; y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; an sinh xã hội; Văn hóa, thể dục, thể thao,...Đồng thời triển khai thực hiện tốt các chính sách phát triển và thu hút nhân lực cho địa phương.	
	Tổng		52 chỉ số thành phần							